TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2025/HS-ST
Ngày: 27 - 11 - 2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Văn.

Bà Nguyễn Thị Lan Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1-Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Liên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1-Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 34/2025/TLST-HS ngày 30 tháng 10 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2025/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 11 năm 2025, đối với bị cáo:

Nguyễn Công T, sinh ngày: 30/8/1986, tại thành phố Hà Nội; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; nơi ĐKNKTT và nơi ở hiện tại: Thôn D, xã P, thành phố Hà Nội (thị trấn P, huyện P, thành phố Hà Nội cũ); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Lớp 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Nguyễn Công T1, sinh năm: 1957 và bà: Nguyễn Thị T2, sinh năm: 1959; anh chị em ruột: Có 02 người, T là con thứ hai trong gia đình; Vợ: Kiều Thị Bằng L, sinh năm: 1992; con: Có 02 người con, lớn sinh năm 2015 nhỏ sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/6/2025 cho đến ngày 26/8/2025 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Bảo lĩnh. Ngày 30/10/2025 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Tạm hoãn xuất cảnh và C đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ dân phố B Q, phường B, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

2. Ông Đinh Thiện H, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ dân phố B H, phường Đ,

tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

3. Bà Trần Thị T4, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ dân phố B T, phường B, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Bà Phạm Thị Kim N, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ dân phố B Q, phường B, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

5. Ông Trần Thanh L1, sinh năm 1993; địa chỉ: Khu phố D, phường B, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

6. Ông Đoàn Hoài N1, sinh năm 1995; địa chỉ: Tổ dân phố T, phường B, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

7. Bà Lê Thị Ánh P, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn H, phường Đ, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

8. Bà Hoàng Thị L2, sinh năm 1994; địa chỉ: Tổ dân phố T, phường B, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

9. Bà Phạm Thị Như T5, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn M, phường Đ, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

10. Bà Trần Thị L3, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn T, phường Đ, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

11. Anh Nguyễn Anh H1, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ dân phố F N, phường Đ, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

12. Bà Hoàng Thị T6, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn Đ, xã C, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

13. Ông Phạm P1, sinh năm 1959; địa chỉ: Thôn H, phường Đ, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

14. Ông Nguyễn Vũ L4, sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ dân phố B, phường Đ, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

15. Bà Hoàng Thị L2, sinh năm 1973; địa chỉ: Tổ dân phố G H, phường Đ, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

16. Bà Hoàng Thị N2, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn H, phường Đ, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

17. Ông Khuất Hữu T7, sinh năm 2004; địa chỉ: Thôn T, T, xã P, thành phố Hà Nội. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ khoảng tháng 7 năm 2024 đến tháng 5 năm 2025, lợi dụng việc người dân khó tiếp cận nguồn vốn vay của các tổ chức tín dụng hợp pháp, Nguyễn Công

T đến tỉnh Quảng Bình (cũ) tìm hiểu và tiếp cận với các cá nhân có nhu cầu vay tiền để gợi ý cho vay. Hạn mức vay tùy theo nhu cầu của người vay, kỳ hạn thanh toán là 32 ngày/gói vay, mức lãi suất là 319,4%/năm, hàng ngày người vay phải trả góp số tiền cả gốc lẫn lãi theo từng gói vay. Khi cho vay, T thu trước số tiền trả góp của ngày đầu và ngày cuối trong kỳ hạn vay. Thực tế số tiền người vay nhận được khi vay bằng số tiền muốn vay trừ tiền trả góp ngày đầu và ngày cuối của kỳ hạn vay. T giao dịch chuyển tiền cho vay và thu gốc, lãi trả góp hàng ngày thông qua tài khoản ngân hàng, có một số người thì giao dịch bằng tiền mặt. Khi cho vay, T xưng tên là "Anh L5". T sử dụng tài khoản ngân hàng B và số tài khoản 10988110617 của Ngân hàng V đều mang tên NGUYEN CONG TUAN để chuyển tiền vay và nhận tiền gốc, tiền lãi hàng ngày. Đến khoảng tháng 12/2024, T thông báo người vay chuyển tiền vào số tài khoản A 3100205834628 mang tên KHUAT HUU TIEN. Để thực hiện việc giao dịch với người vay tiền, T sử dụng số điện thoại 0898.291.587, đăng ký tài khoản Zalo "Anh L5" để liên lạc với người vay tiền.

Kết quả điều tra xác định Nguyễn Công T cho 16 người vay tiền với 40 gói vay, tổng số tiền cho vay là 545.000.000 đồng với mức lãi suất 319,4%/năm, T thu tiền phí vay là 1.000.000 đồng Tổng số tiền gốc T đã thu là 513.125.000 đồng, tiền lãi đã thu là 143.675.000 đồng, trong đó tiền lãi T được nhận theo quy định (20%) là 8.997.260 đồng, T thu lợi bất chính số tiền 134.677.742 đồng. Tổng số tiền T nhằm mục đích thu lợi bất chính là 143.043.863 đồng, cụ thể như sau:

1. Chị Nguyễn Thị T3, sinh năm 1984, trú tại phường B, tỉnh Quảng Trị vay Nguyễn Công T 07 gói:

+ Gói 01: Tháng 7/2024, T cho chị T3 vay 10.000.000 đồng, trả góp trong 32 ngày, mỗi ngày trả 400.000 đồng cả tiền gốc và lãi, tương ứng mức lãi suất 319,4%/năm. Chị T3 đã trả đủ cả gốc và lãi với tổng số tiền 12.800.000 đồng, trong đó tiền lãi là 2.800.000 đồng, T thu lợi bất chính số tiền **2.624.658 đồng.**

+ Gói 02 đến gói 06: Từ tháng 8/2024 đến tháng 12/2024, T cho chị T3 vay 05 gói, mỗi gói 15.000.000 đồng, trả góp trong 32 ngày, mỗi ngày trả 600.000 đồng cả tiền gốc và lãi, tương ứng mức lãi suất 319,4%/năm. Chị T3 đã trả đủ cả gốc và lãi đối với 05 gói vay, T thu lợi bất chính mỗi gói vay với số tiền 3.936.986 đồng. Tổng số tiền T thu lợi bất chính của 05 gói vay trên là **19.684.930 đồng.**

+ Gói 07: Tháng 01/2025, T cho chị T3 vay 15.000.000 đồng, trả góp trong 32 ngày, mỗi ngày trả 600.000 đồng cả tiền gốc và lãi, tương ứng mức lãi suất 319,4%/năm. Chị T3 đã trả 17 ngày với tổng số tiền là 10.200.000 đồng, trong đó tiền lãi là 2.231.250 đồng, T thu lợi bất chính số tiền **2.091.524 đồng.** Tuy nhiên căn cứ Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thì tiền lãi T nhằm thu lợi bất chính đối với 32 ngày. T nhằm thu lợi bất chính gói vay này số tiền 3.936.986 đồng. Hiện chị T3 chưa trả tiền vay gốc số tiền 7.031.250 đồng cho T.

Tổng số tiền Nguyễn Công T thu lợi bất chính của chị Nguyễn Thị T3 là **24.401.112 đồng.**

2. Anh Đinh Thiện H, sinh năm 1979, trú tại phường Đ, tỉnh Quảng Trị vay Nguyễn Công T 01 gói:

Tháng 10/2024, T cho anh H vay 10.000.000 đồng, trả góp trong 32 ngày, mỗi ngày trả 400.000 đồng cả tiền gốc và lãi, tương ứng mức lãi suất 319,4%/năm. Anh H đã trả đủ cả gốc và lãi với tổng số tiền 12.800.000 đồng, trong đó tiền lãi là 2.800.000 đồng, T thu lợi bất chính số tiền **2.624.658 đồng.**

3. Chị Trần Thị T4, sinh năm 1982, trú tại phường B, tỉnh Quảng Trị vay Nguyễn Công T 04 gói:

+ Gói 01 đến gói 03: Từ tháng 11/2024 đến tháng 01/2025, T cho chị T4 vay 03 gói, mỗi gói 10.000.000 đồng, trả góp trong 32 ngày, mỗi ngày trả 400.000 đồng cả tiền gốc và lãi, tương ứng mức lãi suất 319,4%/năm. Chị T4 đã trả đủ cả gốc và lãi đối với 03 gói vay, T thu lợi bất chính mỗi gói vay với số tiền 2.624.658 đồng. Tổng số tiền T thu lợi bất chính của 03 gói vay trên là **7.873.974 đồng.**

+ Gói 4: Tháng 01/2025, T cho chị T3 vay 10.000.000 đồng, trả góp trong 32 ngày, mỗi ngày trả 400.000 đồng cả tiền gốc và lãi, tương ứng mức lãi suất 319,4%/năm. Chị T4 đã trả 17 ngày với tổng số tiền là 6.800.000 đồng, trong đó tiền lãi là 1.487.500 đồng, T thu lợi bất chính số tiền **1.394.349 đồng**. Tuy nhiên căn cứ Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thì tiền lãi T nhằm thu lợi bất chính tương đương với 32 ngày. T nhằm thu lợi bất chính gói vay này số tiền 2.624.658 đồng. Hiện chị T4 chưa trả tiền vay gốc số tiền 4.687.500 đồng cho T.

Tổng số tiền Nguyễn Công T thu lợi bất chính của chị Trần Thị T4 là **9.268.323 đồng.**

4. Chị Phạm Thị Kim N, sinh năm 1982, trú tại phường B, tỉnh Quảng Trị vay 02 gói:

+ Gói 1: Tháng 11/2024, T cho chị N vay 10.000.000 đồng, trả góp trong 32 ngày, mỗi ngày trả 400.000 đồng cả tiền gốc và lãi, tương ứng mức lãi suất 319,4%/năm. Chị N đã trả đủ cả gốc và lãi với tổng số tiền 12.800.000 đồng, trong đó tiền lãi là 2.800.000 đồng, T thu lợi bất chính số tiền **2.624.658 đồng.**

+ Gói 2: Tháng 01/2025, T cho chị N vay 10.000.000 đồng, trả góp trong 32 ngày, mỗi ngày trả 400.000 đồng cả tiền gốc và lãi, tương ứng mức lãi suất 319,4%/năm. Chị N đã trả 19 ngày với tổng số tiền là 7.600.000 đồng, trong đó tiền lãi là 1.662.500 đồng, T thu lợi bất chính số tiền **1.558.390 đồng.** Tuy nhiên căn cứ Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thì tiền lãi T nhằm thu lợi bất chính đối với 32 ngày. T nhằm thu lợi bất chính gói vay này số tiền 2.624.658 đồng. Hiện chị N chưa trả tiền vay gốc số tiền 4.062.500 đồng cho T.

Tổng số tiền Nguyễn Công T thu lợi bất chính của chị Phạm Thị Kim N là **4.183.048 đồng.**

5. Anh Trần Thanh L1, sinh năm 1993, trú tại phường B, tỉnh Quảng Trị vay Nguyễn Công T 01 gói:

Tháng 11/2024, T cho anh L1 vay 10.000.000 đồng, trả góp trong 32 ngày, mỗi ngày trả 400.000 đồng cả tiền gốc và lãi, tương ứng mức lãi suất 319,4%/năm. Anh L1 đã trả đủ cả gốc và lãi với tổng số tiền 12.800.000 đồng, trong đó tiền lãi là 2.800.000 đồng, T thu lợi bất chính số tiền **2.624.658 đồng.**

6. Anh Đoàn Hoài N1, sinh năm 1995, trú tại phường B, tỉnh Quảng Trị vay Nguyễn Công T 01 gói:

Tháng 12/2024, T cho anh N1 vay 10.000.000 đồng, trả góp trong 32 ngày, mỗi ngày trả 400.000 đồng cả tiền gốc và lãi, tương ứng mức lãi suất 319,4%/năm. Anh N1 đã trả 04 ngày với tổng số tiền là 1.600.000 đồng, trong đó tiền lãi là 350.000 đồng, T thu lợi bất chính số tiền **328.082 đồng**. Tuy nhiên căn cứ Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thì tiền lãi T nhằm thu lợi bất chính đối với 32 ngày. T nhằm thu lợi bất chính gói vay này số tiền 2.624.658 đồng. Hiện anh N1 chưa trả tiền vay gốc số tiền 8.750.000 đồng cho T.

7. Chị Lê Thị Ánh P, sinh năm 1978, trú tại phường Đ, tỉnh Quảng Trị vay Nguyễn Công T 07 gói:

+ Gói 01: Tháng 12/2024, T cho chị P vay 10.000.000 đồng, trả góp trong 32 ngày, mỗi ngày trả 400.000 đồng cả tiền gốc và lãi, tương ứng mức lãi suất 319,4%/năm. Chị N đã trả đủ cả gốc và lãi với tổng số tiền 12.800.000 đồng, trong đó tiền lãi là 2.800.000 đồng, T thu lợi bất chính số tiền **2.624.658 đồng.**

+ Gói 02: Tháng 12/2024, T cho chị P vay 15.000.000 đồng, trả góp trong 32 ngày, mỗi ngày trả 600.000 đồng cả tiền gốc và lãi, tương ứng mức lãi suất 319,4%/năm. Chị T3 đã trả đủ cả gốc và lãi với tổng số tiền 19.200.000 đồng, trong đó tiền lãi là 4.200.000 đồng, T thu lợi bất chính số tiền **3.936.986 đồng.**

+ Gói 03 đến gói 07: Từ tháng 01/2025 đến tháng 4/2025, T cho chị P vay 05 gói, mỗi gói 20.000.000 đồng, trả góp trong 32 ngày, mỗi ngày trả 800.000 đồng cả tiền gốc và lãi, tương ứng mức lãi suất 319,4%/năm. Chị P đã trả đủ cả gốc và lãi đối với 05 gói vay, T thu lợi bất chính mỗi gói vay với số tiền 5.249.315 đồng. Tổng số tiền T thu lợi bất chính của 05 gói vay trên là **26.246.575 đồng.**

Tổng số tiền Nguyễn Công T thu lợi bất chính của chị Lê Thị Ánh P là **32.808.219 đồng.**

8. Chị Hoàng Thị L2, sinh năm 1994, trú tại phường Đ, tỉnh Quảng Trị vay Nguyễn Công T 05 gói:

+ Gói 01: Tháng 01/2025, T cho chị L2 vay 15.000.000 đồng, trả góp trong 32 ngày, mỗi ngày trả 600.000 đồng cả tiền gốc và lãi, tương ứng mức lãi suất

319,4%/năm. Chị L2 đã trả đủ cả gốc và lãi với tổng số tiền 19.200.000 đồng, trong đó tiền lãi là 4.200.000 đồng, T thu lợi bất chính số tiền **3.936.986 đồng.**

+ Gói 02 đến gói 05: Từ tháng 2/2025 đến tháng 3/2025, T cho chị L2 vay 04 gói, mỗi gói 20.000.000 đồng, trả góp trong 32 ngày, mỗi ngày trả 800.000 đồng cả tiền gốc và lãi, tương ứng mức lãi suất 319,4%/năm. Chị L2 đã trả đủ cả gốc và lãi đối với 04 gói vay, T thu lợi bất chính mỗi gói vay với số tiền 5.249.315 đồng. Tổng số tiền T thu lợi bất chính của 04 gói vay trên là **20.997.260 đồng.**

Tổng số tiền Nguyễn Công T thu lợi bất chính của chị Hoàng Thị L2 là **24.934.246 đồng.**

9. Chị Phạm Thị Như T5, sinh năm 1980, trú tại phường Đ, tỉnh Quảng Trị vay Nguyễn Công T 01 gói:

Tháng 01/2025, T cho chị T5 vay 10.000.000 đồng, trả góp trong 32 ngày, mỗi ngày trả 400.000 đồng cả tiền gốc và lãi, tương ứng mức lãi suất 319,4%/năm. Chị T5 đã trả đủ cả gốc và lãi với tổng số tiền 12.800.000 đồng, trong đó tiền lãi là 2.800.000 đồng, T thu lợi bất chính số tiền **2.624.658 đồng.**

10. Chị Trần Thị L3, sinh năm 1995, trú tại phường Đ, tỉnh Quảng Trị vay Nguyễn Công T 01 gói:

Tháng 01/2025, T cho chị L3 vay 10.000.000 đồng, trả góp trong 32 ngày, mỗi ngày trả 400.000 đồng cả tiền gốc và lãi, tương ứng mức lãi suất 319,4%/năm. Chị L3 đã trả đủ cả gốc và lãi với tổng số tiền 12.800.000 đồng, trong đó tiền lãi là 2.800.000 đồng, T thu lợi bất chính số tiền **2.624.658 đồng.**

11. Anh Nguyễn Anh H1, sinh năm 1991, trú tại TDP F N, phường Đ, tỉnh Quảng Trị vay 03 gói:

Từ tháng 02/2025 đến tháng 03/2025, T cho anh H1 vay 03 gói, mỗi gói 10.000.000 đồng, trả góp trong 32 ngày, mỗi ngày trả 400.000 đồng cả tiền gốc và lãi, tương ứng mức lãi suất 319,4%/năm. Anh H1 đã trả đủ cả gốc và lãi đối với 03 gói vay, T thu lợi bất chính mỗi gói vay với số tiền 2.624.658 đồng. Tổng số tiền T thu lợi bất chính của 03 gói vay trên là **7.873.974 đồng.**

12. Chị Hoàng Thị T6, sinh năm 1982, trú tại xã C, tỉnh Quảng Trị vay Nguyễn Công T 03 gói:

Từ tháng 2/2025 đến tháng 3/2025, T cho chị T6 vay 03 gói, mỗi gói 15.000.000 đồng, trả góp trong 32 ngày, mỗi ngày trả 600.000 đồng cả tiền gốc và lãi, tương ứng mức lãi suất 319,4%/năm. Chị T6 đã trả đủ cả gốc và lãi đối với 03 gói vay, T thu lợi bất chính mỗi gói vay với số tiền 3.936.986 đồng. Tổng số tiền T thu lợi bất chính của 03 gói vay trên là **11.810.958 đồng.**

13. Anh Phạm P1, sinh năm 1959, trú tại phường Đ, tỉnh Quảng Trị vay Nguyễn Công T 01 gói :

Tháng 3/2025, T cho anh P1 vay 5.000.000 đồng, trả góp trong 32 ngày, mỗi ngày trả 200.000 đồng cả tiền gốc và lãi, tương ứng mức lãi suất 319,4%/năm. Anh P1 đã trả đủ cả gốc và lãi với tổng số tiền 6.400.000 đồng, trong đó tiền lãi là 1.400.000 đồng, T thu lợi bất chính số tiền **1.312.329 đồng.**

14. Anh Nguyễn Vũ L4, sinh năm 1977, trú tại phường Đ, tỉnh Quảng Trị vay 01 gói:

Tháng 4/2025, T cho anh L4 vay 20.000.000 đồng, trả góp trong 32 ngày, mỗi ngày trả 800.000 đồng cả tiền gốc và lãi, tương ứng mức lãi suất 319,4%/năm, T thu tiền phí vay 1.000.000 đồng. Anh L4 đã trả đủ cả gốc và lãi với tổng số tiền 25.600.000 đồng, trong đó tiền lãi là 5.600.000 đồng, T thu lợi bất chính số tiền **5.249.315 đồng.** Cộng với số tiền phí 1.000.000 đồng thì tổng số tiền T thu lợi bất chính của anh L4 là **6.249.315 đồng**.

15. Chị Hoàng Thị L2, sinh năm 1973, trú tại phường Đ, tỉnh Quảng Trị vay Nguyễn Công T 01 gói :

Tháng 4/2025, T cho chị L2 vay 5.000.000 đồng, trả góp trong 32 ngày, mỗi ngày trả 200.000 đồng cả tiền gốc và lãi, tương ứng mức lãi suất 319,4%/năm. Chị L2 đã trả 21 ngày với tổng số tiền là 4.200.000 đồng, trong đó tiền lãi là 918.750 đồng, T thu lợi bất chính số tiền **861.216 đồng.** Tuy nhiên căn cứ Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thì tiền lãi T nhằm thu lợi bất chính đối với 32 ngày. T nhằm thu lợi bất chính gói vay này số tiền 1.312.329 đồng. Hiện chị L2 chưa trả tiền vay gốc số tiền 1.718750 đồng cho T.

16. Chị Hoàng Thị N2, sinh năm 1964, trú tại phường Đ, tỉnh Quảng Trị vay Nguyễn Công T 01 gói:

Tháng 4/2025, T cho chị N2 vay 10.000.000 đồng, trả góp trong 32 ngày, mỗi ngày trả 400.000 đồng cả tiền gốc và lãi, tương ứng mức lãi suất 319,4%/năm. Chị N2 đã trả 14 ngày với tổng số tiền là 5.600.000 đồng, trong đó tiền lãi là 1.225.000 đồng, T thu lợi bất chính số tiền **1.148.288 đồng.** Tuy nhiên căn cứ Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thì tiền lãi T nhằm thu lợi bất chính đối với 32 ngày. T nhằm thu lợi bất chính gói vay này số tiền 2.624.658 đồng. Hiện chị N2 chưa trả tiền vay gốc số tiền 5.625.000 đồng cho T.

Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu và vật chứng: Cơ quan điều tra đã tạm giữ:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 ProMax, màu xanh, số IMEI: 355975767837663.

+ Tiền ngân hàng N3: 150.000.000 đồng.

Bản cáo trạng số 164/CT-VKSQT-P3 ngày 29 tháng 10 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị truy tố bị cáo Nguyễn Công T ra trước Tòa án nhân

dân khu vực 1 – Quảng Trị để xét xử về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Quảng Trị đã phát biểu lời luận tội, chứng minh và phân tích tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện. Giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị HĐXX, xét xử bị cáo Nguyễn Công T theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng; cần áp dụng các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ cho bị cáo: Quá trình điều tra, truy tố, bị cáo Nguyễn Công T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính; bị cáo tham gia và hoàn thành nghĩa vụ quân sự; có bố là người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp ưu đãi người có công hàng tháng, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Công T từ 09 (C) đến 12 (Mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) đến 24 (Hai mươi bốn) tháng.

* Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 phạt bị cáo 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

* Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 ProMax, màu xanh, số IMEI: 355975767837663, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong (đã được niên phong).

* Biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 5 Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, đề nghị:

+ Buộc bị cáo nộp lại để sung công quỹ nhà nước số tiền gốc mà bị cáo dùng để cho vay mà người vay đã trả lại cho bị cáo là 513.125.000 đồng;

+ Buộc bị cáo nộp lại để sung công quỹ nhà nước số tiền lãi theo quy định của Bộ luật dân sự (20%) mà bị cáo đã thu của những người vay là 8.997.260 đồng.

+ Buộc những người liên quan nộp lại để sung công quỹ nhà nước số tiền gốc mà bị cáo dùng để cho vay mà người vay chưa trả lại cho bị cáo. Gồm: chị Nguyễn Thị T3 nộp lại 7.031.250 đồng; chị Trần Thị T4 nộp lại 4.687.500 đồng; chị Phạm Thị Kim N nộp lại 4.062.500 đồng; anh Đoàn Hoài N1 nộp lại 8.750.000 đồng; chị Hoàng Thị L2 nộp lại 1.718.750 đồng; chị Hoàng Thị N2 nộp lại 5.625.000 đồng (tổng 31.875.000 đồng).

+ Buộc bị cáo trả lại cho những người vay số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo thực tế đã thu của những người vay, cụ thể như sau: trả lại cho chị Nguyễn Thị T3

24.401.112 đồng; trả lại cho anh Đinh Thiện H 2.624.658 đồng; trả lại cho chị Trần Thị T4 9.268.323 đồng; trả lại cho Phạm Thị Kim N 4.183.048 đồng; trả lại cho anh Trần Thanh L1 2.624.658 đồng; trả lại cho anh Đoàn Hoài N1 328.082 đồng; trả lại cho chị Lê Thị Ánh P 32.808.219 đồng; trả lại cho chị Hoàng Thị L2 24.934.246 đồng; trả lại cho chị Phạm Thị Như T5 2.624.658 đồng; trả lại cho chị Trần Thị L3 2.624.658 đồng; trả lại cho anh Nguyễn Anh H1 7.873.974 đồng; trả lại cho chị Hoàng Thị T6 11.810.958 đồng; trả lại cho anh Phạm P1 1.312.329 đồng; trả lại cho anh Nguyễn Vũ L4 6.249.315 đồng; trả lại cho chị Hoàng Thị L2 (sinh năm 1973) 861.216 đồng; trả lại cho chị Hoàng Thị N2 1.148.288 đồng. (Số tiền này bị cáo đã nộp tại chi cục Thi hành án để thi hành án).

* Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo chịu theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của bị cáo Nguyễn Công T đã thừa nhận toàn bộ hành vi cho vay lãi nặng đúng như Bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Hiện nay bị cáo rất ăn năn hối hận về hành vi của mình, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo cho bị cáo được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, về trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện hợp pháp.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng và sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt và vắng mặt không có lý do, trong hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai được cơ quan điều tra tiến hành lấy lời khai theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, sự vắng mặt của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không gây ảnh hưởng đến việc xác định tội danh và quyết định hình phạt đối với bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Xét về hành vi phạm tội, tội danh, hình phạt đối với bị cáo: Bị cáo Nguyễn Công T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với bản tự khai, lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định: Từ tháng 7 năm 2024 đến tháng 5 năm 2025, tại địa bàn các phường Đ, phường Đ, phường B, xã C thuộc tỉnh Quảng Trị, Nguyễn Công T đã cho 16 người vay với 40 gói vay, tổng số tiền cho vay là 545.000.000 đồng, lãi suất cho vay 319,4%/năm,

gấp 15,97 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự (20%/năm), tổng số tiền thu lợi bất chính là 144.043.836 đồng, trong đó thực tế đã thu lợi số tiền 135.677.742 đồng; hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị và Kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố bị cáo Nguyễn Công T để xét xử về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Về nhận thức, bị cáo biết việc cho vay với mức lãi suất vượt quá quy định của Bộ luật Dân sự là vi phạm pháp luật, nhưng vì mục đích cá nhân và ý thức chấp hành pháp luật kém, nên bị cáo đã thực hiện; do đó bị cáo phạm tội với lỗi cố ý.

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực hoạt động tín dụng, gây mất ổn định thị trường tín dụng và xâm phạm đến tài sản của người đi vay, dẫn đến nhiều hệ lụy xã hội tiêu cực. Do đó, hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện, phải có mức hình phạt tương xứng để giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, cũng như để răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Công T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo thực hiện nhiều lần hành vi cho vay nặng lãi mà các lần thu lợi bất chính đều dưới 30.000.000 đồng nhưng tổng số tiền thu lợi bất chính quá 30.000.000 đồng, các hành vi này chưa lần nào bị xử phạt hành chính, chưa hết thời hiệu bị xử phạt vi phạm hành chính nên không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố, bị cáo Nguyễn Công T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính; bị cáo tham gia và hoàn thành nghĩa vụ quân sự; có bố là người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp ưu đãi người có công hàng tháng, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8] Đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, tuy nhiên, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, nếu không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù thì không gây nguy hiểm cho xã hội. Do bị cáo có đủ các điều kiện theo hướng dẫn tại Nghị quyết hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên sẽ áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo được miễn chấp hành hình phạt tù có điều

kiện, để bị cáo được sửa chữa sai lầm, lao động nuôi con ăn, học, chăm lo cho bố mẹ già.

[9] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính, bị cáo còn phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 3 Điều 201 của Bộ luật hình sự 2015, phạt bị cáo 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

[10] Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 ProMax, màu xanh, số IMEI: 355975767837663, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong (đã được niên phong). (*Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Trị và Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị*). Đây là điện thoại bị cáo T dùng để thực hiện hành vi phạm tội, nên cần tịch thu để sung quỹ nhà nước.

[11] Đối với số tiền 150.000.000 đồng thu giữ từ bị cáo Nguyễn Công T đây là số tiền bị cáo thu lợi từ việc cho vay lãi nặng, nên cần tạm giữ số tiền 150.000.000 đồng thu từ bị cáo T để đảm bảo thi hành án theo biên lai thu tiền ký hiệu: BLTT/25E, số 409 ngày 12/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị (*theo Quyết định số 165 ngày 29/10/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định xử lý tài khoản tạm giữ số 1307/QĐ-CSHS ngày 05/11/2025 của Phòng C1 Công an tỉnh Q*).

[12] Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, 47, 48 Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự:

[12.1] Đối với toàn bộ khoản tiền gốc 545.000.000 đồng mà bị cáo Nguyễn Công T dùng để cho vay được xác định là phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Do vậy cần buộc bị cáo Nguyễn Công T phải nộp lại khoản tiền gốc mà người vay đã trả lại cho bị cáo tổng là 513.125.000 đồng. Đối với số tiền gốc còn lại những người vay chưa trả cho bị cáo về nguyên tắc phải trả cho bị cáo T theo giao dịch dân sự. Tuy nhiên, xác định đây là tiền bị cáo sử dụng để thực hiện tội phạm, nên không buộc những người vay trả lại tiền cho bị cáo mà buộc người vay chưa trả khoản tiền gốc cho bị cáo T phải nộp vào ngân sách nhà nước khoản tiền gốc tổng cộng 31.875.000 đồng, cụ thể: Chị Nguyễn Thị T3 nộp lại 7.031.250 đồng; chị Trần Thị T4 nộp lại 4.687.500 đồng; chị Phạm Thị Kim N nộp 4.062.500 đồng; chị Hoàng Thị L2 phải nộp lại 1.718.750 đồng; chị Hoàng Thị N2 phải nộp lại 5.625.000 đồng; anh Đoàn Hoài N1 phải nộp lại 8.750.000 đồng.

[12.2] Đối với khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 20%/năm mà bị cáo Nguyễn Công T đã thu của người vay là 8.997.260 đồng, đây là khoản tiền phát sinh từ tội phạm, do đó cần buộc bị cáo phải nộp lại số tiền mà bị cáo đã thu để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[12.3] Về tiền thu lợi bất chính: Về nguyên tắc, số tiền bị cáo thu lợi từ việc phạm tội phải tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Tuy nhiên, đối với đặc thù của loại tội phạm này do xuất phát từ giao dịch dân sự, người vay tiền của bị cáo đều với mục đích phục vụ kinh doanh, sinh hoạt, phục vụ cuộc sống hàng ngày; người vay đã phải chịu lãi nặng. Bởi vậy, để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người vay cần buộc bị cáo phải trả lại cho người vay số tiền lãi đã thu từ mức lãi suất trên 20% trở lên. Do đó, buộc bị cáo phải trả lại số tiền thu lợi bất chính là: 135.677.742 đồng, cụ thể: Trả lại cho chị Nguyễn Thị T3 số tiền 24.401.112 đồng, trả lại cho ông Đinh Thiện H số tiền 2.624.658 đồng, trả lại cho chị Trần Thị T4 số tiền 9.268.323 đồng, trả lại cho chị Phạm Thị Kim N số tiền 4.183.048 đồng, trả lại cho anh Trần Thanh L1 số tiền 2.624.658 đồng, trả lại cho anh Đoàn Hoài N1 số tiền 328.082 đồng, trả lại cho chị Lê Thị Ánh P số tiền 32.808.219 đồng, trả lại cho chị Hoàng Thị L2 số tiền 24.934.246 đồng, trả lại cho chị Phạm Thị Như T5 số tiền 2.624.658 đồng, trả lại cho chị Trần Thị L3 số tiền 2.624.658 đồng, trả lại cho anh Nguyễn Anh H1 số tiền 7.873.974 đồng, trả lại cho chị Hoàng Thị T6 số tiền 11.810.958 đồng, trả lại cho anh Phạm P1 số tiền 1.132.329 đồng, trả lại cho anh Nguyễn Vũ L4 số tiền 6.249.315 đồng (trong đó T thu lợi bất chính 5.249.315 đồng và phí dịch vụ 1.000.000 đồng), trả lại cho chị Hoàng Thị L2 số tiền 861.216 đồng, trả lại cho chị Hoàng Thị N2 số tiền 1.148.288 đồng. Do bị cáo đã nộp 150.000.000 đồng, nên được khấu trừ.

[13] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với khoản tiền phải trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Bởi vì, bản chất đây là số tiền thu lời bất chính, không phải tiền bồi thường dân sự.

[14] Quyền kháng cáo: Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[15] Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên về tội danh, điều luật áp dụng và hình phạt đối với bị cáo.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Công T phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

2. Về Điều luật áp dụng và hình phạt:

2.1. Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự; Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật hình sự và về việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi năng trong giao dịch dân sự; Nghị quyết hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

2.2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Công T 12 (Mười hai) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 24 (Hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 27/11/2025.

Giao bị cáo Nguyễn Công T cho Ủy ban nhân dân xã P, thành phố Hà Nội giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án cho hưởng án treo.

2.3. Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Công T số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). Thời gian chấp hành hình phạt bổ sung kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về biện pháp ngăn chặn: Căn cứ khoản 1 Điều 278 của Bộ luật tố tụng hình sự: Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Nguyễn Công T kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (27/11/2025).

4. Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, 47, 48 Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự:

- Buộc người vay chưa trả khoản tiền gốc cho bị cáo Nguyễn Công T phải nộp lại khoản tiền gốc chưa trả để tịch thu sung quỹ nhà nước, cụ thể:

+ Nguyễn Thị T3 nộp lại khoản tiền gốc 7.031.250 đồng.

+ Trần Thị T4 nộp lại khoản tiền gốc 4.687.500 đồng

+ Phạm Thị Kim N nộp lại khoản tiền gốc 4.062.500 đồng.

+ Hoàng Thị L2 phải nộp lại khoản tiền gốc 1.718.750 đồng.

+ Hoàng Thị N2 nộp lại khoản tiền gốc 5.625.000 đồng.

+ Đoàn Hoài N1 nộp lại khoản tiền gốc 8.750.000 đồng.

- Buộc bị cáo Nguyễn Công T phải trả lại cho những người vay khoản tiền thu lợi bất chính mà bị cáo thực tế đã thu của họ, cụ thể:

+ Trả lại cho chị Nguyễn Thị T3 số tiền 24.401.112 đồng.

+ Trả lại cho ông Đinh Thiện H số tiền 2.624.658 đồng.

+ Trả lại cho chị Trần Thị T4 số tiền 9.268.323 đồng.

+ Trả lại cho Phạm Thị Kim N số tiền 4.183.048 đồng.

+ Trả lại cho chị Trần Thanh L1 số tiền 2.624.658 đồng.

+ Trả lại cho anh Đoàn Hoài N1 số tiền 328.082 đồng.

+ Trả lại cho chị Lê Thị Ánh P số tiền 32.808.219 đồng.

+ Trả lại cho chị Hoàng Thị L2 số tiền 24.934.246 đồng.

+ Trả lại cho chị Phạm Thị Như T5 số tiền 2.624.658 đồng.

+ Trả lại cho chị Trần Thị L3 số tiền 2.624.658 đồng.

+ Trả lại cho anh Nguyễn Anh H1 số tiền 7.873.974 đồng.

+ Trả lại cho chị Hoàng Thị T6 số tiền 11.810.958 đồng.

+ Trả lại cho anh Phạm P1 số tiền 1.132.329 đồng.

+ Trả lại cho anh Nguyễn Vũ L4 số tiền 6.249.315 đồng (trong đó T thu lợi bất chính 5.249.315 đồng và phí dịch vụ 1.000.000 đồng).

+ Trả lại cho chị Hoàng Thị L2 số tiền 861.216 đồng.

+ Trả lại cho chị Hoàng Thị N2 số tiền 1.148.288 đồng.

Được khấu trừ 150.000.000 đồng bị cáo đã nộp theo Biên lai thu tiền số 000409 ngày 12/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

- Buộc bị cáo Nguyễn Công T phải nộp khoản tiền gốc mà người vay đã trả lại cho bị cáo là 513.215.000.000 đồng và khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định Bộ luật Dân sự (20%/năm) mà bị cáo đã thu của người vay là 8.997.260 đồng để tịch thu sung quỹ nhà nước.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 ProMax, màu xanh, số IMEI: 355975767837663, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong (đã được niên phong).

(Vật chứng trên hiện có tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị theo biên bản về viêc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 05/11/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Trị và Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị).

5. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

Buộc bị cáo Nguyễn Công T phải chịu nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (27/11/2025) để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Sở Tư pháp Tp Hà Nội;
- VKSND KV 1-Quảng Trị;
- Công an tỉnh QT;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- Người tham gia tố tụng;
- THA phạt tù;
- Lưu hồ sơ; Lưu TA

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tuyết Minh

- Tạm giữ số tiền 27.000.000 đồng (Hai mươi bảy triệu đồng chẵn) thu từ bị cáo T8 để đảm bảo thi hành án theo biên lai thu tiền ký hiệu: BLT/23, số 0001052 ngày 19/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới (theo Quyết định số 02 ngày 29/12/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới).